

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TML22B4  
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023**

| STT | MSHS          | Họ và tên             | Ngày sinh  |  | Giáo dục thể chất(1) | Giáo dục Chính trị(2) | Tin học(2) | Pháp luật(1) | Kỹ năng mềm(2) | An toàn lao động điện lạnh(2) | Cơ sở kỹ thuật nhiệt lạnh(3) | Điện tử căn bản(5) | Kỹ thuật nguội(3) | Điểm TB    | Xếp loại   |
|-----|---------------|-----------------------|------------|--|----------------------|-----------------------|------------|--------------|----------------|-------------------------------|------------------------------|--------------------|-------------------|------------|------------|
| 1   | 2255202052010 | Quách Võ Thái An      | 23/02/2007 |  | 6.8                  | 8.6                   | 7.0        | 7.3          | 7.6            | 6.8                           | 6.6                          | 7.5                | 6.1               | <b>7.1</b> | Khá        |
| 2   | 2255202052011 | Trần Hoài An          | 21/09/2006 |  | 9.2                  | 9.0                   | 7.6        | 6.8          | 7.2            | 7.4                           | 5.9                          | 5.4                | 6.1               | <b>6.7</b> | Trung bình |
| 3   | 2255202052013 | Nguyễn Quang Gol      | 23/03/2007 |  | 8.1                  | 8.8                   | 5.7        | 7.0          | 6.5            | 6.9                           | 6.7                          | 6.0                | 6.2               | <b>6.7</b> | Trung bình |
| 4   | 2255202052016 | Trần Nguyễn Đăng Khoa | 29/07/2007 |  | 8.6                  | 8.8                   | 7.3        | 6.3          | 8.5            | 5.4                           | 7.7                          | 7.5                | 6.7               | <b>7.3</b> | Khá        |
| 5   | 2255202052017 | Nguyễn Văn Kiên       | 09/04/2007 |  | 8.9                  | 8.8                   | 6.3        | 6.0          | 7.7            | 7.2                           | 6.2                          | 9.1                | 6.1               | <b>7.2</b> | Khá        |
| 6   | 2255202052019 | Huỳnh Hoàng Nghiêm    | 12/09/2007 |  | 7.8                  | 8.2                   | 6.2        | 6.0          | 7.1            | 7.2                           | 6.5                          | 6.7                | 6.7               | <b>6.8</b> | Trung bình |
| 7   | 2255202052020 | Cao Kiên Nhẫn         | 25/10/2006 |  | 7.7                  | 8.1                   | 5.7        | 6.0          | 7.7            | 5.7                           | 5.9                          | 8.2                | 4.9               | <b>6.5</b> | Trung bình |
| 8   | 2255202052022 | Trần Nguyễn Hữu Phát  | 12/04/2007 |  | 6.2                  | 8.2                   | 5.7        | 7.7          | 8.1            | 6.3                           | 5.1                          | 5.6                | 6.7               | <b>6.4</b> | Trung bình |
| 9   | 2255202052023 | Đinh Oai Phong        | 09/11/2006 |  | 7.9                  | 8.5                   | 5.7        | 6.4          | 8.1            | 7.6                           | 6.4                          | 5.5                | 5.3               | <b>6.7</b> | Trung bình |
| 10  | 2255202052024 | Nguyễn Đình Phong     | 21/12/2007 |  | 7.5                  | 8.7                   | 7.0        | 6.9          | 5.9            | 7.1                           | 6.7                          | 8.8                | 6.4               | <b>7.2</b> | Khá        |
| 11  | 2255202052025 | Khuru Đặng Thiên Phú  | 21/07/2007 |  | 6.8                  | 9.0                   | 5.7        | 6.4          | 7.1            | 7.7                           | 8.5                          | 7.2                | 4.3               | <b>7.3</b> | Khá        |
| 12  | 2255202052026 | Lê Minh Phú           | 25/01/2007 |  | 9.5                  | 8.8                   | 6.8        | 6.7          | 6.0            | 2.2                           | 6.5                          | 7.3                | 6.1               | <b>6.2</b> | Trung bình |
| 13  | 2255202052027 | Phan Thành Qui        | 09/10/2007 |  | 8.8                  | 8.5                   | 7.2        | 5.4          | 7.9            | 6.0                           | 9.3                          | 9.0                | 6.9               | <b>7.8</b> | Khá        |
| 14  | 2255202052029 | Võ Anh Tài            | 20/09/2007 |  | 8.2                  | 9.0                   | 7.0        | 6.6          | 6.5            | 6.5                           | 7.0                          | 7.7                | 6.1               | <b>7.1</b> | Khá        |
| 15  | 2255202052030 | Đoàn Hữu Thành        | 20/02/2007 |  | 8.4                  | 8.7                   | 7.4        | 7.7          | 7.3            | 5.4                           | 5.8                          | 6.2                | 6.9               | <b>6.6</b> | Trung bình |
| 16  | 2255202052032 | Nguyễn Phước Trường   | 16/09/2007 |  | 7.9                  | 9.3                   | 6.7        | 5.6          | 7.9            | 6.6                           | 7.7                          | 8.2                | 6.7               | <b>7.4</b> | Khá        |

**Lưu ý:** Môn học **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**TP. Đào tạo**

Châu Đốc, ngày 17 tháng 08 năm 2023  
**Người lập bảng**

**Ths. Trần Thanh Dũng**

**Trần Quốc Thái**